

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2024 về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội

(Tiếp theo Công báo số 144+145)

C. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội (11 quy trình).

(Kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội)

4. Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính (QT-11)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố hoạt động khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính.		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức công bố hoạt động khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

a	Đơn đề công bố hoạt động bến thủy nội địa theo mẫu	x		
b	Hồ sơ thiết kế kỹ thuật, biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình (nếu có)	x		
	Bản sao có chứng thực giấy tờ về sử dụng đất để xây dựng bến (đối với bến khách ngang sông);		x	
	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm bến)		x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-

				VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo TT 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - UBND cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - UBND cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo TT 01/2018/TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, dự thảo văn bản, ký nháy lên văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - UBND cấp huyện	1 ngày	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký Quyết định; hoàn thiện văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo UBND cấp huyện	06 giờ	Quyết định
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - UBND cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP

B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Quyết định, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở GTVT có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện TTHC	Chuyên viên UBND cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Đơn đề nghị công bố hoạt động bến thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Công bố hoạt động bến thủy nội địa

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

5. Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa (QT-12)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố lại hoạt động bến thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương		
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố lại hoạt động bến thủy nội địa. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	Nội dung quy trình		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25/01/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa; 3. Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt; 4. Quyết định số 161/QĐ-BGTVT ngày 19/02/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	x	

	theo mẫu		
b	Hồ sơ (đối với phần thay đổi kết cấu công trình của bến thủy nội địa)		
-	Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật của chủ đầu tư (đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng) hoặc phương án khai thác bến thủy nội địa		x
-	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, bản vẽ hoàn công mặt bằng, mặt chiếu đứng, mặt cắt ngang công trình đối với bến thủy nội địa có dự án đầu tư xây dựng	x	
-	Bản sao giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông hoặc phao neo thuộc diện phải đăng kiểm (nếu sử dụng kết cấu nổi, phương tiện, pông-tông làm cầu bến hoặc bến phao)		x
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc thay đổi vùng đất, vùng nước (đối với trường hợp thay đổi vùng đất, vùng nước của bến thủy nội địa)		x
d	Bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bản chứng minh việc thay đổi chủ bến (đối với trường hợp thay đổi chủ bến thủy nội địa).		x
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	Bộ phận một cửa - UBND cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	100.000 VNĐ			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư

		môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện		01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Giấy phép
B7	Trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	Giấy phép
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi.	Chuyên	Giờ hành	Phiếu kiểm soát

	Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính.	viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	chính	quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố hoạt động bến thủy nội địa**

Kính gửi:(1)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày ... tháng ... năm tại

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị công bố cảng (bến) thủy nội địa (2)

1. Vị trí cảng (bến) có tọa độ (3)

Từ km thứ đến km thứ

Trên bờ (phải hay trái) sông, kênh

Thuộc địa phận: xã (phường, thị trấn) huyện (quận)

Tỉnh (thành phố)

2. Cảng (bến) thuộc loại

3. Phạm vi vùng đất sử dụng

4. Quy mô về cơ sở hạ tầng (kết cấu công trình cầu cảng (công trình bến), số lượng cầu cảng, bến, kích thước cơ bản, công trình cầu cảng, bến; kho bãi, kết nối các phương thức vận tải khác).

5. Thiết bị xếp dỡ hàng hóa:

6. Phạm vi vùng nước sử dụng

7. Phạm vi vùng nước khu neo đậu.....tại vị trí có tọa độ

8. Phương án khai thác cảng (bến)

9. Dự kiến tiếp nhận phương tiện có mớn nước ... m hoặc trọng tải ...tấn; có sức chở... hành khách.

10. Thời gian hoạt động: từ ngày....tháng....năm... đến ngày ...tháng...năm...

11. Hồ sơ gửi kèm:

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về giao thông vận tải đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan và nội dung quy định trong quyết định công bố hoạt động cảng (bến).

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

TỔ CHỨC (CÁ NHÂN)

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Tên cảng (bến).

(3) Hệ tọa độ VN 2000.

- Trường hợp bến khách ngang trên cùng địa bàn cấp xã, cùng chủ bến thì chỉ ban hành 01 quyết định công bố.

6. Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (QT-13)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát.
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu cầu công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII. 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc

	chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
1	Hồ sơ công bố vùng hoạt động có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:		
a	Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu	x	
b	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và còi hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	x	x
c	Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có)		x
d	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	x	x
đ	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả hải đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí	x	x
2	Hồ sơ công bố vùng hoạt động không có dự án đầu tư xây dựng (01 bộ hồ sơ, mỗi loại 01 bản), gồm:		
a	Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu	x	
b	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước	x	x

	trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải			
c	Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường	x	x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc gửi qua cổng dịch vụ công trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp huyện			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp	Bộ phận một	Giờ	Mẫu số 01

	nhận, hẹn ngày	cửa – Ủy ban nhân dân cấp huyện	hành chính	kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	0,5 ngày	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 ngày	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	1 ngày	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo	06 giờ	Quyết định

		phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp huyện	02 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Công bố vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Chiều dài vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

b) Chiều rộng vùng hoạt động:km (từ.....đến.....);

c) Tọa độ các điểm xác định vùng hoạt động (theo Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000):.....

d) Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác

đ) Các nội dung..... (5)..... kính đề nghị(3)xem xét, công bố vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có).

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần)

7. Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát (QT-14)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
2	Phạm vi: Áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có nhu đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát. Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII. 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/03/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải. 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
a	Đơn đề nghị theo mẫu	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ kết quả
B1	Nộp hồ sơ đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày	Bộ phận một cửa – Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B3	Chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa - Ủy ban	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo

		nhân dân cấp huyện		Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	6 giờ	Mẫu số 02 (hoặc Mẫu số 03 hoặc mẫu số 04) kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP, Biên bản kiểm tra
B6	Soạn Quyết định công bố; Trình lãnh đạo phòng, kiểm tra tổng thể hồ sơ, Quyết định công bố, ký nháy lên Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Quyết định
B7	Trình lãnh đạo Sở ký Quyết định; hoàn thiện Quyết định	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Quyết định
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên - Ủy ban nhân dân cấp	2 giờ	Mẫu số 05 kèm theo Thông tư

		huyện		01/2018/ TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Giấy phép, Mẫu số 01 kèm theo Thông tư 01/2018/ TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ; Sổ theo dõi hồ sơ
4	BIỂU MẪU			
	1. Mẫu Đơn đề nghị theo mẫu 2. Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 3. Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (nếu có) 4. Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ (nếu có) 5. Mẫu Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả (nếu có). 6. Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 7. Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ.			

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐĐN-.....(1)

.....(địa danh), ngày tháng năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Về công bố đóng vùng hoạt động vui chơi giải trí dưới nước(2)**

Kính gửi:(3).....

1. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Nghị định số...../2019/NĐ-CP ngày ... thángnăm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi giải trí dưới nước.

Căn cứ(4)

2. Nội dung đề xuất

a) Lý do của việc đóng vùng hoạt động;

b) Địa danh;

c) Chiều dài vùng hoạt động:km (từ..... đến.....);

d) Chiều rộng vùng hoạt động:km (từ..... đến.....);

đ) Thời gian bắt đầu đóng vùng hoạt động:

e) Các nội dung khác.....(5)..... kính đề nghị(3)..... xem xét, công bố đóng vùng hoạt động(2)

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT,(7)

THỦ TRƯỞNG (6)

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

(1) Ký hiệu viết tắt của cơ quan, tổ chức (đơn vị, doanh nghiệp).

(2) Nêu tên vùng hoạt động (nếu có).

(3) Nêu tên cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại Nghị định này.

(4) Nêu: Quyết định phê duyệt (nếu có), hoặc căn cứ vào nhu cầu....

(5) Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(6) Thẩm quyền ký là Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

(7) Chữ viết tắt tên cơ quan tham mưu và số lượng bản lưu (nếu cần).

8. Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu (QT-15)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII; - Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước. - Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
Giấy tờ phải nộp, gồm:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 09 quy định tại Phụ lục Nghị định 48/2019/NĐ-CP;	x	
	2. Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;	x	
Giấy tờ phải xuất trình khi nộp hồ sơ gồm bản chính các loại sau:			
	1. Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;	x	
	2. Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;	x	
	3. Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương;	x	
	4. Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;	x	

	5. Trường hợp chủ phương tiện đồng thời là chủ cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ: http://dichvucong.hanoi.gov.vn			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp +Hoặc nộp hồ sơ trực	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2

	tuyên qua Cổng dịch vụ công			
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP;

				- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.
B6	In giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP; - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP.

B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/ cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

4	Biểu mẫu
	1. Đơn đề nghị đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 3. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 5. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 6. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 7. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Sổ theo dõi hồ sơ

Mẫu số 9**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI
GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Kèm theo Nghị định 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Dùng cho phương tiện đăng ký lần đầu)*

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Ký hiệu thiết kế:

Công dụng:

Năm và nơi đóng:

Cấp tàu: Vật liệu vỏ:

Chiều dài thiết kế: m Chiều dài lớn nhất:.....m

Chiều rộng thiết kế: m Chiều rộng lớn nhất:.....m

Chiều cao mạn:..... m Chiều chìm:m

Mạn khô:..... m Trọng tải toàn phần:..... tấn

Số người được phép chở: người Sức kéo, đẩy:tấn

Máy chính (số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):

Máy phụ (nếu có):

Giấy phép nhập khẩu số (nếu có):ngày thángnăm 20

Do cơ quancấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:

..... do cơ quancấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ngày tháng năm 20

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm
20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

9. Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT - 16)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban

	nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
- Trường hợp thay đổi tên phương tiện:			
+ Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
+ Xuất trình: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật:			
+ Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
	3. Biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);	x	

+ Xuất trình: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp thay đổi chủ sở hữu phương tiện:			
+Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thực hiện theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
	3. Biên lai hoặc giấy chứng nhận đã nộp phí, lệ phí (nếu có);	x	
+ Xuất trình: - Giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện theo quy định: Hợp đồng mua bán hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện hoặc các giấy tờ khác có giá trị tương đương; - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;			
- Trường hợp cần chuyển đăng ký phương tiện sang cơ quan đăng ký phương tiện của địa phương khác, chủ phương tiện nộp đơn đề nghị chuyển nơi đăng ký, nêu rõ nơi đăng ký mới và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó			
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		

3.4	Thời gian xử lý			
	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

	sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.			
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03

	phòng chuyên môn ký nháy lên giấy chứng nhận	môn		Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo

				Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

4	Biểu mẫu
	1. Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 3. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 5. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 6. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 7. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Sổ theo dõi hồ sơ

Mẫu số 04

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC
(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/2/2024 của Chính phủ)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC
(Dùng cho phương tiện đăng ký lại)

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu
- Trụ sở chính: (1).....
- Điện thoại:.....Email:.....

Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:
do..... cấp ngày tháng năm
Nay đề nghị đăng ký lại phương tiện với lý do:
.....
.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện./.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

10. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT - 17)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ

	tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
- Trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký:			
Giấy tờ phải nộp:			
	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP. Trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.	x	
- Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng			
Giấy tờ phải nộp:			
	1. Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thực hiện theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;	x	
	2. Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó;	x	
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.		
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả		

	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP

B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1 ngày	- Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,5 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP

B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng nhận)	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện	06 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	02 giờ	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo

	sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	huyện		Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
4	Biểu mẫu			
	- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước - Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước - Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả - Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Sổ theo dõi hồ sơ			

Mẫu số 05**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN
VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện:Số đăng ký:

do cấp ngày tháng năm ...

Lý do xin cấp lại:

.....
.....

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

11. Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước (QT-18)

1	Mục đích: Quy định trình tự và cách thức thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.
2	Phạm vi: - Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện cấp giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.
3	Nội dung quy trình
3.1	Cơ sở pháp lý
	1. Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội khóa XII; 2. Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 3. Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước; 4. Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; 5. Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 17/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban

	nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đường thủy nội địa, lĩnh vực đăng kiểm thuộc chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải thành phố Hà Nội.			
3.2	Thành phần hồ sơ		Bản chính	Bản sao
	1.Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục Nghị định số 19/2024/NĐ-CP;		x	
	2. Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp.		x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	Bộ phận một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức trực tuyến.			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

B1	- Nộp hồ sơ: + Nộp hồ sơ trực tiếp + Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 3.2
B2	- Đối với hồ sơ đúng quy định tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: + Tiếp nhận trực tiếp: ghi phiếu tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; + Hoặc qua cổng Dịch vụ công trực tuyến - Với hồ sơ không đúng quy định hướng dẫn Tổ chức/ cá nhân bổ sung, điều chỉnh hồ sơ và ghi phiếu từ chối hồ sơ.	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 01, 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B3	- Bàn giao hồ sơ: + Hồ sơ bản cứng + Hoặc dữ liệu hồ sơ điện tử	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B4	Phân công xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	2 giờ	- Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B5	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên,	0,5 ngày	- Mẫu số 02,

		Lãnh đạo phòng chuyên môn		03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B6	In giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, trình lãnh đạo phòng chuyên môn ký nháy lên giấy chứng nhận	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn	1/4 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP
B7	Trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện ký giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi, giải trí dưới nước, hoàn thiện kết quả (đóng dấu vào giấy chứng	- Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân	0,5 ngày	- GCN hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-

	nhận)	cấp huyện		VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B8	Bàn giao hồ sơ, kết quả ra bộ phận một cửa	Chuyên viên phòng chuyên môn	1/4 ngày	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B9	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân (Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyên viên Bộ phận một cửa kiểm tra đối chiếu bản giấy hồ sơ trước khi trả kết quả và chuyển bản giấy hồ sơ cho phòng chuyên môn)	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Giấy chứng nhận hoặc Mẫu số 02, 03 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP - Mẫu số 05 Phụ lục

				kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
B10	Thống kê và theo dõi. Chuyên viên Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thống kê kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chuyên viên Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Giờ hành chính	- Mẫu số 05, 06 Phụ lục kèm theo Thông tư số 01/2018/TT- VPCP
4	Biểu mẫu			
	1. Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 2. Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện vui chơi giải trí dưới nước 3. Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 4. Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ 5. Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ 6. Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả 7. Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ 8. Sổ theo dõi hồ sơ			

Mẫu số 06**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI
GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC***(Kèm theo Nghị định 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ
PHƯƠNG TIỆN VUI CHƠI GIẢI TRÍ DƯỚI NƯỚC**

Kính gửi:

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: đại diện cho các đồng sở hữu

- Trụ sở chính: (1)

- Điện thoại: Email:

Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện với đặc điểm cơ bản như sau:

Tên phương tiện: Số đăng ký:

Lý do xóa đăng ký

.....

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

....., ngày tháng năm 20.....

CHỦ PHƯƠNG TIỆN ⁽²⁾

(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.

(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.

Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO
THÔNG VẬN TẢI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định 2511/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch UBND Thành phố)*

STT	Thứ tự Quy trình nội bộ bị bãi bỏ tại Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố	Tên quy trình nội bộ
1	Số 17, quy trình QT.17-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
2	Số 12, quy trình QT.12-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa
3	Số 15, quy trình QT15-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, Chứng chỉ chuyên môn
4	Số 16, quy trình QT16-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND 10/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải
5	Số 07, quy trình QT.07-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 10/2/2023 của Chủ tịch Ủy ban	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa

	nhân dân Thành phố	
6	Số 13, quy trình QT.13-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa
7	Số 14, quy trình QT.14-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
8	Số 15, quy trình QT.15-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động bến thủy nội địa
9	Số 16, quy trình QT.16-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính
10	Số 11, quy trình QT.11-06.2021 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 3158/QĐ-UBND ngày 07/7/2021	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa
11	Số 05, quy trình QT24-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu

		sắc dễ quan sát
12	Số 06, quy trình QT25-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát
13	Số 01, quy trình QT20-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu
14	Số 03, quy trình QT22-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
15	Số 02, quy trình QT21-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước
16	Số 04, quy trình QT23-02.2023 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố	Xóa đăng ký hương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước